

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Suất đầu tư tối đa cấp điện cho một hộ dân nông thôn từ lưới điện quốc gia đối với các dự án thuộc Chương trình cấp điện nông thôn, miền núi và hải đảo giai đoạn 2013-2020

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG

Căn cứ Quyết định số 2081/QĐ-TTg ngày 08 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chương trình cấp điện nông thôn, miền núi và hải đảo giai đoạn 2013-2020”;

Căn cứ Quyết định số 1178/QĐ-BCT, ngày 13 tháng 02 năm 2014 của Bộ Công Thương phê duyệt Kế hoạch thực hiện Chương trình cấp điện nông thôn, miền núi và hải đảo giai đoạn 2013-2020;

Xét hồ sơ tính toán Suất đầu tư tối đa cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia giai đoạn đến năm 2020 do Viện Năng lượng lập, hoàn thành tháng 4 năm 2015;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Năng lượng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Suất đầu tư tối đa cấp điện cho một hộ dân nông thôn từ lưới điện quốc gia đối với các dự án thuộc Chương trình cấp điện nông thôn, miền núi và hải đảo giai đoạn 2013-2020 triển khai trên địa bàn từng khu vực trong cả nước như sau:

- Các tỉnh khu vực miền Bắc: 120 triệu đồng/hộ;
- Các tỉnh khu vực Duyên hải miền Trung: 100 triệu đồng/hộ;
- Các tỉnh khu vực Tây Nguyên và các huyện giáp Tây Nguyên: 110 triệu đồng/hộ;
- Các tỉnh khu vực Nam bộ: 85 Triệu đồng/hộ;
- Khu vực hải đảo:
 - + Nhóm 1 (gồm các huyện đảo và các đảo có liên quan đến an ninh quốc phòng, chủ quyền biển đảo): 280 Triệu đồng/hộ.

+ Nhóm 2 (gồm các đảo còn lại): 150 Triệu đồng/hộ.

(Danh sách phân khu vực đối với các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được nêu trong Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

- Các trường hợp cấp điện cho khu vực đặc biệt có suất đầu tư tối đa cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia vượt các quy định trên, các chủ đầu tư báo cáo Bộ Công Thương để xem xét và trình Thủ tướng Chính phủ quyết định;

- Trong quá trình thực hiện nếu có biến động lớn về chế độ chính sách xã hội, giá cả vật tư thiết bị, Bộ Công Thương sẽ xem xét điều chỉnh cho phù hợp.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Bộ; Tổng cục trưởng Tổng cục Năng lượng; Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Chủ tịch Hội đồng thành viên và Tổng Giám đốc Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, TCNL(4).



Hoàng Quốc Vượng

PHỤ LỤC

Danh sách phân khu vực đối với các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 4339 /QĐ-BCT ngày 05 tháng 5 năm 2015)

STT	Khu vực/tỉnh, thành phố	STT	Khu vực/tỉnh, thành phố
A	Khu vực miền Bắc	D	Khu vực Nam Bộ
1	Điện Biên	1	Tỉnh Bình Thuận
2	Hoà Bình	2	Tỉnh Bình Phước
3	Lai Châu	3	Tỉnh Tây Ninh
4	Lào Cai	4	Tỉnh Long An
5	Sơn La	5	Tỉnh Tiền Giang
6	Yên Bái	6	Tỉnh Bến Tre
7	Bắc Cạn	7	Tỉnh Trà Vinh
8	Bắc Giang	8	Tỉnh Vĩnh Long
9	Cao Bằng	9	Tỉnh Đồng Tháp
10	Hà Giang	10	Tỉnh An Giang
11	Lạng Sơn	11	Tỉnh Kiên Giang
12	Phú Thọ	12	Thành phố Cần Thơ
13	Quảng Ninh	13	Tỉnh Hậu Giang
14	Thái Nguyên	14	Tỉnh Sóc Trăng
15	Tuyên Quang	15	Tỉnh Bạc Liêu
16	Hà Tĩnh	16	Tỉnh Cà Mau
17	Nghệ An	E	Khu vực hải đảo
18	Thanh Hoá		1.Nhóm 1:
19	Thành phố Hải Phòng		Huyện đảo:
B	Khu vực Duyên Hải miền Trung		Cô Tô, Vân Đồn (Quảng Ninh)
1	Tỉnh Quảng Bình		Cát Hải, Bạch Long Vỹ (Hải Phòng)
2	Tỉnh Quảng Trị		Cồn Cỏ (Quảng Trị)
3	Tỉnh Thừa Thiên Huế		Hoàng Sa (TP. Đà Nẵng)
4	Quảng Nam		Lý Sơn tỉnh Quảng Ngãi
5	Quảng Ngãi		Trường Sa (Khánh Hòa)
6	Bình Định		Phú Quý (Bình Thuận)
7	Phú Yên		Côn Đảo (Bà Rịa-Vũng Tàu)
8	Khánh Hòa		Kiên Hải, Phú Quốc (Kiên Giang)
C	Khu vực Tây Nguyên		Đảo có liên quan đến an ninh quốc phòng, chủ quyền biển đảo:
1	Gia Lai		Danh mục theo chỉ đạo của Chính phủ
2	Kon Tum		2. Nhóm 2: Các đảo còn lại
3	Đắk Lắk		
4	Đắk Nông		
5	Tỉnh Lâm Đồng		